

Số: 73/2021/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D** – sinh năm 1990

HKTT: Tổ 15, phường T, TP.N, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình

+ **Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T** – sinh năm 1985

HKTT: Tổ 15, T, TP.N, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Vũ Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Vũ Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 03/7/2015. Các đương sự thống nhất: Chị D trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D tự nguyện nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, được hoàn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000936 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- UBND P.HVT, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**